BAKER TILLY
A&C

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.

an independent member of
BAKER TILLY
INTERNATIONAL

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SỬ PÁN 2

MỤC LỤC

		Trang
1.	Mục lục	1
2.	Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3.	Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	5 - 6
4.	Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2017	7 - 10
5.	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	11
6.	Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	12 - 13
7.	Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	14 - 31

****

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Sử Pán 2 (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Thủy điện Sử Pán 2 (trước đây là Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà – Hoàng Liên) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1203000045 ngày 09 tháng 3 năm 2006 do phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai 11 lần cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Trong đó:

- Giấy chứng nhận đăng ký Công ty Cổ phần điều chỉnh lần thứ mười ngày 27 tháng 6 năm 2016 về việc thay đổi tên Công ty và đổi địa chỉ trụ sở chính.
- Giấy chứng nhận đăng ký Công ty Cổ phần điều chỉnh lần thứ mười một ngày 05 tháng 5 năm 2017 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Thôn Hoàng Liên, xã Bản Hồ, huyện Sa Pa, tỉnh Lào Cai, Việt Nam
- Điện thoại : 0203 871 727
- Fax : 0203 873 079

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Tư vấn giám sát xây dựng và lắp đặt các thiết bị các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thuỷ lợi, thuỷ điện, các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị;
- Quản lý dự án công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thuỷ lợi, thuỷ điện, các công trình kỹ thuật đô thị;
- Lập quy hoạch tổng thể và quy hoạch chi tiết các công trình dân dụng, công nghiệp và các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị;
- Khảo sát địa hình, địa chất công trình và địa chất thuỷ văn công trình;
- Lập dự án đầu tư, thẩm định dự án đầu tư các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thuỷ điện, các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị;
- Thiết kế các công trình thuỷ công, thuỷ lợi, thuỷ điện, nhà máy thuỷ điện;
- Thiết kế các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị, công trình cấp, thoát nước, cơ điện công trình;
- Thẩm định thiết kế và tổng dự toán các công trình dân dụng, công nghiệp, thuỷ lợi, thuỷ điện, công trình giao thông, các công trình kỹ thuật đô thị;
- Tư vấn lập hồ sơ mời thầu xây lắp, hồ sơ mời thầu thiết bị các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thuỷ lợi, thuỷ điện, các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị;
- Đầu tư xây lắp các công trình thuỷ điện vừa và nhỏ, sản xuất và kinh doanh điện thương phẩm; xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thuỷ lợi, các công trình điện; kinh doanh bất động sản; kinh doanh dịch vụ du lịch, khách sạn, nhà nghỉ, nhà hàng và văn phòng cho thuê;

- Lắp đặt cấu kiện bê tông, kết cấu thép, các thiết bị điện nước; sản xuất và mua bán vật liệu xây dựng;
- Khảo sát, thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản;
- Thi công xây lắp đường dây và trạm biến áp đến 110 KV; sửa chữa các thiết bị điện và gia công cơ khí; hướng dẫn đào tạo công nhân vận hành nhà máy thủy điện vừa và nhỏ, thi công lắp đặt hệ thống điện, nước, thông tin.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Mai Huy Tuấn	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 5 năm 2016
Ông Lê Viết Đoàn	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2017
Ông Nguyễn Văn Bút	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2017
Ông Trịnh Khải	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2017
Ông Nguyễn Văn Đại	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 15 tháng 6 năm 2016
Ông Khương Đức Dũng	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2017
Ông Nguyễn Văn Hải	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2017
Ông Hoàng Minh Long	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2017

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Nguyễn Đình Thiện	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 6 năm 2016
Bà Trương Thị Kim Hòa	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 15 tháng 6 năm 2016
Ông Đăng Quang Hiệu	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 6 năm 2016

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Khương Đức Dũng	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2017
Ông Lê Viết Đoàn	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2017
Ông Nguyễn Thanh Kim	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 6 năm 2016
Ông Nguyễn Khả Lộc	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2015

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Khương Đức Dũng	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2017
Ông Lê Viết Đoàn	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 5 năm 2016 và miễn nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2017

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,
Tổng Giám đốc

Khương Đức Dũng

Ngày 09 tháng 8 năm 2017

BAKER TILLY
A&C
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.

Headquarters : 02 Truong Son St., Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang : 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : I5-13 Vo Nguyen Giap St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 428/2017/BCTC-KTTV

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SỬ PÁN 2

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy điện Sử Pán 2 (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 09 tháng 8 năm 2017, từ trang 07 đến trang 31, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

Khoản lỗ do thanh lý dự án thủy điện Nậm Củn xã Thanh Phú, huyện Sa Pa, tỉnh Lào Cao chưa được phản ánh vào báo cáo kết quả kinh doanh 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, số tiền là 16.792.030.016 VND (xem thêm thuyết minh số V.5a trang 20). Nếu thực hiện ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 thì khoản mục "Thu nhập khác" và "Chi phí khác" trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 tăng thêm lần lượt là 42.974.014.000 VND và 59.766.044.016 VND, chỉ tiêu "Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế' và "Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp" cùng giảm đi là 16.792.030.016 VND. Chỉ tiêu "Phải thu ngắn hạn khác" và "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 01 tháng 01 năm 2017 và tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 cùng giảm đi tương ứng là 16.792.030.016 VND.

Kết luận ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề được mô tả tại đoạn "Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ", chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Không phủ nhận kết luận nêu trên, chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến thuyết minh số VII.3 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ về khoản lỗ 21.644.390.461 VND của Công ty trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017, lỗ lũy kế đến ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 261.200.423.755 VND và tại ngày đó, các khoản nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt quá tổng tài sản ngắn hạn của Công ty là 133.125.319.362 VND. Những điều kiện này, cùng những vấn đề khác được nêu trong thuyết minh số VII.3, cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
Chi nhánh Hà Nội

M.S.C.N: 0300449815-002 - C.T.T.N.H.H - CHI NHÁNH CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C TẠI HÀ NỘI - Q. ĐỐNG ĐA - TP. HÀ NỘI

Phạm Quang Huy - Phó Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1409-2013-008-1

Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**73.889.228.085**	**69.640.845.874**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**V.1**	**376.537.588**	**6.190.896.524**
1. Tiền	111		376.537.588	6.190.896.524
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		**-**	**-**
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**72.626.524.049**	**63.228.954.392**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	25.087.061.021	15.711.026.294
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	10.100.907.359	9.653.991.867
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	38.263.555.669	38.688.936.231
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(825.000.000)	(825.000.000)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	**140**		**-**	**-**
1. Hàng tồn kho	141		-	-
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**886.166.448**	**220.994.958**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	802.181.978	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	220.994.958
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.11	83.984.470	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5 Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B -	**TÀI SẢN DÀI HẠN**	**200**		**900.483.248.160**	**924.622.323.073**
I.	**Các khoản phải thu dài hạn**	**210**		**49.815.000**	**49.815.000**
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4.	Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5.	Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6.	Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	49.815.000	49.815.000
7.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II.	**Tài sản cố định**	**220**		**836.801.513.212**	**860.652.132.904**
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	836.801.513.212	860.652.132.904
	Nguyên giá	*222*		*1.100.013.492.081*	*1.100.013.492.081*
	Giá trị hao mòn lũy kế	*223*		*(263.211.978.869)*	*(239.361.359.177)*
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	Nguyên giá	*225*		-	-
	Giá trị hao mòn lũy kế	*226*		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227		-	-
	Nguyên giá	*228*		-	-
	Giá trị hao mòn lũy kế	*229*		-	-
III.	**Bất động sản đầu tư**	**230**		-	-
	Nguyên giá	231		-	-
	Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV.	**Tài sản dở dang dài hạn**	**240**		**60.701.329.325**	**60.701.329.325**
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.9	60.701.329.325	60.701.329.325
V.	**Đầu tư tài chính dài hạn**	**250**		**2.930.590.623**	**2.930.590.623**
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2	4.000.000.000	4.000.000.000
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4.	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2	(1.069.409.377)	(1.069.409.377)
5.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI.	**Tài sản dài hạn khác**	**260**		-	**288.455.221**
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	-	288.455.221
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3.	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**974.372.476.245**	**994.263.168.947**

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C -	**NỢ PHẢI TRẢ**	**300**		**1.085.634.600.000**	**1.083.880.902.241**
I.	**Nợ ngắn hạn**	**310**		**207.014.547.447**	**209.077.020.984**
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	129.181.584.132	131.072.374.181
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	-
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	1.817.651.306	1.457.799.663
4.	Phải trả người lao động	314		611.322.878	829.113.394
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.12a	982.714.981	460.686.813
6.	Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13a	7.061.427.978	6.385.177.171
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14a	67.359.846.172	68.871.869.762
11.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
13.	Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II.	**Nợ dài hạn**	**330**		**878.620.052.553**	**874.803.881.257**
1.	Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2.	Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3.	Chi phí phải trả dài hạn	333	V.12b	227.562.765.664	210.870.690.954
4.	Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5.	Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6.	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7.	Phải trả dài hạn khác	337	V.13b	1.250.000.000	1.250.000.000
8.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.14b	649.807.286.889	662.683.190.303
9.	Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10.	Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12.	Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13.	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D -	**NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU**	**400**		**(111.262.123.755)**	**(89.617.733.294)**
I.	**Vốn chủ sở hữu**	**410**	**V.15**	**(111.262.123.755)**	**(89.617.733.294)**
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		152.460.000.000	152.460.000.000
-	*Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*	*411a*		*152.460.000.000*	*152.460.000.000*
-	*Cổ phiếu ưu đãi*	*411b*		-	-
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3.	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4.	Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5.	Cổ phiếu quỹ	415		(2.521.700.000)	(2.521.700.000)
6.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8.	Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9.	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(261.200.423.755)	(239.556.033.294)
-	*LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước*	*421a*		*(239.556.033.294)*	*(239.556.033.294)*
-	*LNST chưa phân phối kỳ này*	*421b*		*(21.644.390.461)*	-
12.	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II.	**Nguồn kinh phí và quỹ khác**	**430**		-	-
1.	Nguồn kinh phí	431		-	-
2.	Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**974.372.476.245**	**994.263.168.947**

Lập, ngày 09 tháng 8 năm 2017

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Kim Văn Sỹ	Nguyễn Bá Nhất	Khương Đức Dũng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	51.654.483.547	49.139.044.998
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		51.654.483.547	49.139.044.998
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	36.423.750.574	39.545.891.072
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		15.230.732.973	9.593.153.926
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	3.932.751	32.839.040
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	34.066.867.706	37.392.666.845
Trong đó: chi phí lãi vay	23		34.066.867.706	36.322.343.270
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	2.666.238.537	4.682.989.490
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(21.498.440.519)	(32.449.663.369)
11. Thu nhập khác	31	VI.6	-	121.298.737
12. Chi phí khác	32	VI.7	145.949.942	106.316.146
13. Lợi nhuận khác	40		(145.949.942)	14.982.591
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(21.644.390.461)	(32.434.680.778)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(21.644.390.461)	(32.434.680.778)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	(1.439)	(2.156)
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8	(1.439)	(2.156)

Lập, ngày 09 tháng 8 năm 2017

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Kim Văn Sỹ	Nguyễn Bá Nhất	Khương Đức Dũng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)
(Dạng đầy đủ)
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	*01*		*(21.644.390.461)*	*(32.434.680.778)*
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.8	23.850.619.692	23.915.549.265
- Các khoản dự phòng	03		-	1.894.409.377
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		-	(121.298.737)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	34.066.867.706	36.322.343.270
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	*08*		*36.273.096.937*	*29.576.322.397*
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(9.260.559.169)	(6.586.194.388)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		-	-
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(550.449.947)	(13.925.455.029)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(513.726.757)	666.815.331
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(16.257.720.000)	(12.418.955.450)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	*20*		*9.690.641.064*	*(2.687.467.139)*
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		-	(42.500.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	12.249.477.727
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	*30*		*-*	*12.206.977.727*

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.14	(15.505.000.000)	(10.753.000.000)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	*40*		*(15.505.000.000)*	*(10.753.000.000)*
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	**50**		**(5.814.358.936)**	**(1.233.489.412)**
Tiền và tương đương tiền đầu năm	**60**	**V.1**	**6.190.896.524**	**3.596.165.164**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	**70**	**V.1**	**376.537.588**	**2.362.675.752**

Lập, ngày 09 tháng 8 năm 2017

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Kim Văn Sỹ	Nguyễn Bá Nhất	Khương Đức Dũng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn
Công ty Cổ phần Thủy điện Sử Pán 2 (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh
Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là đầu tư xây dựng và vận hành nhà máy thủy điện.

3. Ngành nghề kinh doanh
Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất và cung cấp điện thương phẩm.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường
Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty
Công ty chỉ đầu tư vào Công ty Cổ phần Xây lắp và Vật liệu xây dựng Hoàng Liên có trụ sở chính tại Bản Dền, xã Bản Hồ, huyện Sa Pa, tỉnh Lào Cai. Hoạt động kinh doanh chính của công ty liên kết này là khai thác, chế biến, kinh doanh khoáng sản và vật liệu xây dựng và nhận thầu xây lắp các công trình thủy lợi, thủy điện, công trình giao thông, dân dụng, công nghiệp, công trình trạm biến áp và đường dây. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty liên kết này là 40%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ phần sở hữu tương đương với tỷ lệ vốn góp.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính
Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

7. Nhân viên
Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 58 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 59 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trích lập khi công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên

tại công ty liên kết. Nếu công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là chi phí công cụ dụng cụ và chi phí bảo hiểm công trình. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	25
Máy móc và thiết bị	6 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	3 - 8
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 8

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

8. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

9. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

10. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán điện thương phẩm

Doanh thu bán điện thương phẩm được ghi nhận khi người mua xác nhận sản lượng điện tiêu thụ, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

11. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

12. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

13. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

14. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

15. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	34.480.694	61.030.211
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	342.056.894	6.129.866.313
Cộng	**376.537.588**	**6.190.896.524**

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty chỉ có đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty liên kết	***4.000.000.000***	***(1.069.409.377)***	***4.000.000.000***	***(1.069.409.377)***
Công ty Cổ phần Xây lắp Sông Đà Hoàng Liên [(i)]	4.000.000.000	(1.069.409.377)	4.000.000.000	(1.069.409.377)
Cộng	**4.000.000.000**	**(1.069.409.377)**	**4.000.000.000**	**(1.069.409.377)**

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty Cổ phần Xây lắp Sông Đà Hoàng Liên:

- Vốn góp của Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà – Hoàng Liên (hiện nay là Công ty Cổ phần Thủy điện Sử Pán 2) là 2.750.000.000 VND.
- Vốn góp của cán bộ công nhân viên Công ty là 1.250.000.000 VND. Phần vốn góp của cán bộ công nhân viên là 1.250.000.000 đồng được ủy thác cho Công ty và phản ánh ở chỉ tiêu "Phải trả ngắn hạn khác" (xem thuyết minh số V.13b).

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của công ty liên kết

Công ty Cổ phần Xây lắp Sông Đà Hoàng Liên đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với kỳ trước.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	1.069.409.377	-
Trích lập dự phòng bổ sung	-	1.069.409.377
Hoàn nhập dự phòng	-	-
Số cuối kỳ	**1.069.409.377**	**1.069.409.377**

Giao dịch với công ty liên kết

Công ty không phát sinh giao dịch với công ty liên kết.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	-	-
Phải thu các khách hàng khác	*25.087.061.021*	*15.711.026.294*
Công ty Mua bán điện - Tập đoàn điện lực Việt Nam	24.087.061.021	14.711.026.294
Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại 299	1.000.000.000	1.000.000.000
Cộng	**25.087.061.021**	**15.711.026.294**

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trả trước cho các bên liên quan	*2.065.821.581*	*2.065.821.581*
Công ty Cổ phần Xây lắp Sông Đà - Hoàng Liên	2.065.821.581	2.065.821.581
Trả trước cho các người bán khác	*8.035.085.778*	*7.588.170.286*
Công ty TNHH Phú Đức	5.889.342.630	5.889.342.630
Các nhà cung cấp khác	2.145.743.148	1.698.827.656
Cộng	**10.100.907.359**	**9.653.991.867**

5. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác

5a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	-	-	-	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	*38.263.555.669*	*(825.000.000)*	*38.688.936.231*	*(825.000.000)*
Tạm ứng	422.076.917	-	392.898.430	-
Phải thu Công ty Cổ phần Thủy điện Sapa về tiền bồi thường	17.565.791.788	-	17.565.791.788	-
Thuế GTGT của tài sản thuê tài chính	2.147.328.970	-	2.426.216.365	-
Lỗ thanh lý dự án Nậm Củn(*)	16.792.030.016	-	16.792.030.016	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	1.336.327.978	(825.000.000)	1.511.999.632	(825.000.000)
Cộng	**38.263.555.669**	**(825.000.000)**	**38.688.936.231**	**(825.000.000)**

(*) Ngày 29 tháng 10 năm 2014, Ủy ban Nhân dân tỉnh Lào Cai ra quyết định số 3130/QĐ-UBND về việc thu hồi giấy chứng nhận đầu tư số 1212100107 do UBND tỉnh Lào Cai cấp cho Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà Hoàng Liên (nay là Công ty Cổ phần Thủy điện Sử Pán 2) thực hiện dự án thủy điện Nậm Củn.

Công ty đã ký hợp đồng xử lý tài sản số 31/HĐXLTS/2015 ngày 11 tháng 02 năm 2015 với Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại 299 về việc "Xử lý các tài sản do Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà - Hoàng Liên đã đầu tư vào dự án thủy điện Nậm Củn xã Thanh Phú, huyện Sa Pa, tỉnh Lào Cai" với giá trị hợp đồng là 42.974.014.000 VND. Chi phí đầu tư dự án Thủy điện Nậm Củn mà Công ty Cổ phần Thủy điện Sử Pán 2 đã bỏ ra là 59.766.044.016 VND. Lỗ từ việc thanh lý dự án là 16.792.030.016 VND. Công ty Cổ phần Thủy điện Sử Pán 2 đã bàn giao đầy đủ hồ sơ tài liệu cho Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại 299.

5b. Phải thu dài hạn khác

Là các khoản ký cược, ký quỹ dài hạn.

6. Nợ xấu

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có Thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Các bên liên quan		-	-	-	-	-
Các cá nhân khác		*825.000.000*	-	-	*825.000.000*	-
Phải thu tiền tạm ứng Ông Bùi Khắc Hoàng	Trên 3 năm	825.000.000	-	Trên 3 năm	825.000.000	-
Cộng		**825.000.000**	-		**825.000.000**	-

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	825.000.000	-
Trích lập dự phòng bổ sung	-	825.000.000
Hoàn nhập dự phòng	-	-
Số cuối kỳ	**825.000.000**	**825.000.000**

7. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn

7a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí bảo hiểm tài sản	416.298.599	-
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	385.883.379	-
Cộng	**802.181.978**	-

7b. Chi phí trả trước dài hạn

Là chi phí công cụ dụng cụ còn phải phân bổ.

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	733.043.970.943	366.040.039.320	783.647.818	145.834.000	1.100.013.492.081
Mua trong kỳ	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	**733.043.970.943**	**366.040.039.320**	**783.647.818**	**145.834.000**	**1.100.013.492.081**
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	329.382.147	171.838.636	145.834.000	647.054.783
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	148.646.388.048	90.244.741.843	331.157.286	139.072.000	239.361.359.177
Khấu hao trong kỳ	14.660.879.418	9.144.739.638	38.238.636	6.762.000	23.850.619.692
Số cuối kỳ	**163.307.267.466**	**99.389.481.481**	**369.395.922**	**145.834.000**	**263.211.978.869**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	584.397.582.895	275.795.297.477	452.490.532	6.762.000	860.652.132.904
Số cuối kỳ	**569.736.703.477**	**266.650.557.839**	**414.251.896**	**-**	**836.801.513.212**
Trong đó:					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 836.352.350.596 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Lào Cai và Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Số cuối kỳ
Mua sắm tài sản cố định	5.008.649.482			5.008.649.482
Xây dựng cơ bản dở dang	55.692.679.843	-	-	55.692.679.843
Đường dây 110KV	*87.517.588*	-	-	*87.517.588*
Dự án làng Sông Đà	*65.160.158*	-	-	*65.160.158*
Đầu tư dự án Thuỷ điện Sử Pán 2	*49.805.678.294*	-	-	*49.805.678.294*
Đầu tư dự án Thủy điện Sử Pán 1	*3.759.509.643*	-	-	*3.759.509.643*
Đầu tư dự án thủy điện tại Văn Bàn	*1.974.814.160*	-	-	*1.974.814.160*
Sửa chữa lớn tài sản cố định	-	-	-	-
Cộng	**60.701.329.325**	**-**	**-**	**60.701.329.325**

10. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	***41.677.502.557***	***41.677.502.557***
Công ty Cổ phần Sông Đà 7	25.954.397.450	25.954.397.450
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	11.206.335.418	11.206.335.418
Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	1.954.686.819	1.954.686.819
Công ty Cổ phần Sông Đà 9	1.463.289.775	1.463.289.775
Tổng Công ty Sông Đà	1.098.793.095	1.098.793.095
Phải trả các nhà cung cấp khác	***87.504.081.575***	***89.394.871.624***
Công ty Cổ phần Cơ khí - Lắp máy Sông Đà	66.625.310.422	66.625.310.422
Công ty Cổ phần Cơ khí 4 & Xây dựng Thăng Long	7.300.543.673	7.300.543.673
Công ty Cổ phần Sông Đà 12	6.737.964.535	6.737.964.535
Công ty Cổ phần Sông Đà 25	3.286.936.288	3.286.936.288
Công ty TNHH XNK Hoa Thắng	1.028.842.125	1.228.842.125
Công ty Cổ phần Sông Đà 8	488.323.471	488.323.471
Công ty Cổ phần Sông Đà 19	217.980.759	217.980.759
Các nhà cung cấp khác	1.818.180.302	3.508.970.351
Cộng	**129.181.584.132**	**131.072.374.181**

11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	-	3.583.418.490	(3.661.848.323)	-	78.429.833
Thuế thu nhập cá nhân	53.971.375	-	13.278.380	(72.804.392)	-	5.554.637
Thuế tài nguyên	619.702.272	-	4.539.051.842	(4.312.496.184)	846.257.930	-
Các loại thuế khác		-	4.000.000	(4.000.000)	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	784.126.016	-	1.119.364.700	(932.097.340)	971.393.376	-
Cộng	**1.457.799.663**	**-**	**9.259.113.412**	**(8.983.246.239)**	**1.817.651.306**	**83.984.470**

Thuế giá trị gia tăng
Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp
Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	**Năm trước**
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(21.644.390.461)	(32.434.680.778)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	14.124.315.316	15.418.035.061
- Các khoản điều chỉnh tăng	14.124.315.316	15.418.035.061
Thù lao HĐQT không trực tiếp điều hành	*108.000.000*	*168.000.000*
Lãi vay tương ứng vốn điều lệ góp thiếu	*12.582.467.266*	*12.590.013.113*
Khấu hao tương ứng với phần lãi vay (lãi vay ứng với vốn điều lệ góp thiếu) đã vốn hóa trong nguyên giá Dự án thủy điện Sử Pán 2	*1.294.898.108*	*1.294.898.108*
Các khoản phạt chậm nộp	*138.949.942*	*85.123.840*
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi không đầy đủ hồ sơ	-	*825.000.000*
Chi phí không hợp lý, hợp lệ	-	*455.000.000*
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	(7.520.075.145)	(17.016.645.718)
Thu nhập được miễn thuế	-	-
Lỗ các năm trước được chuyển	-	-
Thu nhập tính thuế	(7.520.075.145)	(17.016.645.718)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	-	-

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế tài nguyên
Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác thủy điện với mức 5%.

Các loại thuế khác
Công ty kê khai và nộp theo quy định.

12. Chi phí phải trả ngắn hạn/dài hạn

12a. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	-	-
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	*982.714.981*	*460.686.813*
Trích trước chi phí công trình Sử Pán 2	460.686.813	460.686.813
Trích trước chi phí vận hành đường dây	522.028.168	-
Cộng	**982.714.981**	**460.686.813**

12b. Chi phí phải trả dài hạn
Là chi phí dự trả lãi vay dài hạn.

13. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác

13a. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	-	-
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	*7.061.427.978*	*6.385.177.171*
Kinh phí công đoàn	27.040.498	-
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	114.433.158	96.364.184
Quỹ Sông Đà	14.980.029	60.280.029
Phải trả Công ty Bảo hiểm BIC về hỗ trợ khắc phục sự cố năm 2010	5.500.000.000	5.500.000.000
Thuế GTGT đầu ra chưa xuất hóa đơn	1.404.974.293	498.529.118
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	-	230.003.840
Cộng	**7.061.427.978**	**6.385.177.171**

13b. Phải trả dài hạn khác
Là khoản phải trả cho công nhân viên về tiền góp vốn vào Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng.

14. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn

14a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các bên liên quan	***29.369.623.061***	***28.252.550.065***
Vay Tổng Công ty Sông Đà	29.369.623.061	28.252.550.065
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác	***37.990.223.111***	***40.619.319.697***
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.14)	36.150.179.000	38.651.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Lào Cai	*17.734.690.000*	*18.962.000.000*
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Pvcombank	*18.415.489.000*	*19.689.000.000*
Nợ thuê tài chính đến hạn trả (xem thuyết minh số V.14b)	1.840.044.111	1.968.319.697
Cộng	**67.359.846.172**	**68.871.869.762**

Công ty có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn các tổ chức khác	28.252.550.065	1.117.072.996	-	-	29.369.623.061
Vay dài hạn đến hạn trả	38.651.000.000	-	12.253.000.000	(14.753.821.000)	36.150.179.000
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	1.968.319.697	-	622.903.414	(751.179.000)	1.840.044.111
Cộng	**68.871.869.762**	**1.117.072.996**	**12.875.903.414**	**(15.505.000.000)**	**67.359.846.172**

14b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các bên liên quan	-	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác	***649.807.286.889***	***662.683.190.303***
Vay dài hạn ngân hàng	618.279.310.000	630.532.310.000
Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Lào Cai[(i)]	*303.292.200.000*	*309.303.200.000*
Vay Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam[(i)]	*314.987.110.000*	*321.229.110.000*
Nợ thuê tài chính	31.527.976.889	32.150.880.303
Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam[(ii)]	*31.527.976.889*	*32.150.880.303*
Cộng	**649.807.286.889**	**662.683.190.303**

Công ty có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

(i) Khoản vay dài hạn theo Hợp đồng đồng tài trợ giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Lào Cai và Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam cùng các văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng số 03/2012/HĐ ngày 28 tháng 12 năm 2012 và số 01/2013/HĐ ngày 17 tháng 5 năm 2013. Tổng số tiền vay tối đa là 813.817.430.279 VND, thời hạn là 216 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên (thời gian ân hạn là 48 tháng). Tài sản thế chấp là toàn bộ tài sản của Dự án thủy điện Sử Pán 2 (bao gồm tài sản hiện có và tài sản hình thành trong tương lai) và cùng Quyền sử dụng đất tại Dự án thủy điện Sử Pán 2 của bên vay.

(ii) Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội ứng trước tiền theo hợp đồng cho thuê tài chính số 08 – 2879 – 03332/HĐCTTC ngày 30 tháng 09 năm 2008. Máy móc thiết bị sẽ được Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà - Hoàng Liên trực tiếp nhập khẩu theo hợp đồng số 01/2008/SĐHL-IWHR ngày 12 tháng 5 năm 2008 ký giữa Công ty Cổ phần Sông Đà - Hoàng Liên và Công ty Thủy điện Thủy lợi Bắc Kinh.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Tổng nợ	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm
Số cuối kỳ				
Vay dài hạn ngân hàng	654.429.489.000	36.150.179.000	219.287.000.000	398.992.310.000
Nợ thuê tài chính	33.368.021.000	1.840.044.111	31.527.976.889	-
Cộng	**687.797.510.000**	**37.990.223.111**	**250.814.976.889**	**398.992.310.000**
Số đầu năm				
Vay dài hạn ngân hàng	669.183.310.000	38.651.000.000	284.244.000.000	346.288.310.000
Nợ thuê tài chính	34.119.200.000	1.968.319.697	32.150.880.303	-
Cộng	**703.302.510.000**	**40.619.319.697**	**316.394.880.303**	**346.288.310.000**

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Số đầu năm	Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	Số cuối kỳ
Vay dài hạn ngân hàng	630.532.310.000	(12.253.000.000)	618.279.310.000
Nợ thuê tài chính	32.150.880.303	(622.903.414)	31.527.976.889
Cộng	**662.683.190.303**	**(12.875.903.414)**	**649.807.286.889**

Công ty không có các khoản vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán.

15. Vốn chủ sở hữu

15a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	152.460.000.000	(2.521.700.000)	(200.345.430.602)	(50.407.130.602)
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	(32.434.680.778)	(32.434.680.778)
Điều chỉnh giảm khác	-	-	(374.298.684)	(374.298.684)
Số dư cuối kỳ trước	**152.460.000.000**	**(2.521.700.000)**	**(233.154.410.064)**	**(83.216.110.064)**
Số dư đầu năm nay	152.460.000.000	(2.521.700.000)	(239.556.033.294)	(89.617.733.294)
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	(21.644.390.461)	(21.644.390.461)
Số dư cuối kỳ này	**152.460.000.000**	**(2.521.700.000)**	**(261.200.423.755)**	**(111.262.123.755)**

15b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tổng Công ty Sông Đà	58.060.000.000	58.060.000.000
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Nhà Thái Xuân	25.382.500.000	-
Công ty Cổ phần Sông Đà 7	-	25.382.500.000
Công ty Cổ phần Sông Đà 9	7.505.000.000	7.505.000.000
Công ty Cổ phần Cơ khí lắp máy Sông Đà	5.857.200.000	5.857.200.000
Công đoàn ngành Xây dựng	5.000.000.000	5.000.000.000
Công ty Cổ phần Sông Đà 12	2.070.000.000	2.070.000.000
Các tổ chức, cá nhân khác	48.585.300.000	48.585.300.000
Cộng	**152.460.000.000**	**152.460.000.000**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 11 ngày 05 tháng 5 năm 2017, tổng số vốn điều lệ của Công ty là 420.000.000.000 VND. Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 06/SĐHL/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15 tháng 6 năm 2016, Công ty sẽ thực hiện điều chỉnh giảm vốn điều lệ đăng ký kinh doanh từ 420.000.000.000 VND xuống còn 152.460.000.000 VND. Tuy nhiên, đến nay Công ty vẫn chưa điều chỉnh giảm vốn điều lệ được do chưa được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai chấp thuận.

15c. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	42.000.000	42.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	15.246.000	15.246.000
- *Cổ phiếu phổ thông*	*15.246.000*	*15.246.000*
- *Cổ phiếu ưu đãi*	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	205.000	205.000
- *Cổ phiếu phổ thông*	*205.000*	*205.000*
- *Cổ phiếu ưu đãi*	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.041.000	15.041.000
- *Cổ phiếu phổ thông*	*15.041.000*	*15.041.000*
- *Cổ phiếu ưu đãi*	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Là doanh thu bán điện thương phẩm cho Công ty Mua bán điện thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

2. Giá vốn hàng bán

Là giá vốn của điện thương phẩm đã cung cấp trong kỳ.

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	**Năm trước**
Lãi tiền gửi ngân hàng	3.932.751	7.920.346
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	-	24.918.694
Cộng	**3.932.751**	**32.839.040**

4. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	**Năm trước**
Chi phí lãi vay	34.066.867.706	36.322.343.270
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	-	914.198
Dự phòng tổn thất đầu tư vào Công ty liên kết	-	1.069.409.377
Cộng	**34.066.867.706**	**37.392.666.845**

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	**Năm trước**
Chi phí cho nhân viên	1.703.587.407	1.563.873.995
Chi phí vật liệu quản lý	57.096.528	96.048.542
Chi phí đồ dùng văn phòng	22.825.000	58.405.008
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.035.712	67.965.285
Thuế, phí và lệ phí	50.789.069	59.346.159
Dự phòng phải thu khó đòi	-	825.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	235.800.091	483.156.520
Các chi phí khác	593.104.730	1.529.193.981
Cộng	**2.666.238.537**	**4.682.989.490**

6. Thu nhập khác

	Năm nay	**Năm trước**
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	121.298.737
Trong đó:		
Thu từ thanh lý tài sản cố định	-	*357.272.727*
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý	-	*235.973.990*
Cộng	**-**	**121.298.737**

7. Chi phí khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	**Năm trước**
Thuế bị phạt, bị truy thu	128.610.677	36.642.587
Lãi phạt chậm nộp bảo hiểm	10.339.265	48.481.253
Chi phí khác	7.000.000	21.192.306
Cộng	**145.949.942**	**106.316.146**

8. Lãi trên cổ phiếu

8a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	**Năm trước**
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(21.644.390.461)	(32.434.680.778)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	(21.644.390.461)	(32.434.680.778)
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	15.041.000	15.041.000
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	**(1.439)**	**(2.156)**

Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính cơ bản/lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	**Năm trước**
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	15.041.000	15.041.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	**15.041.000**	**15.041.000**

8b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày công bố Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	**Năm trước**
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.823.086.766	4.655.849.633
Chi phí nhân công	4.349.460.142	4.089.479.513
Chi phí khấu hao tài sản cố định	23.850.619.692	23.915.549.265
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.329.084.971	1.041.121.968
Chi phí khác	7.737.737.540	10.526.880.183
Cộng	**39.089.989.111**	**44.228.880.562**

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Tiền thu từ đi vay

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	**Năm trước**
Tiền thu từ đi vay dưới hình thức lãi nhập gốc	1.117.072.996	1.142.134.204
Cộng	**1.117.072.996**	**1.142.134.204**

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	**Năm trước**
Các thành viên Hội đồng quản trị		
Phụ cấp chi trả cho HĐQT	132.000.000	204.000.000

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt chỉ có lương với tổng tiền lương trong kỳ là 380.421.034 VND (cùng kỳ năm trước là 313.041.341 VND).

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	**Mối quan hệ**
Tổng Công ty Sông Đà	Cổ đông góp vốn
Công ty Cổ phần Sông Đà 9	Công ty cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Sông Đà 7	Cổ đông góp vốn
Công ty Cổ phần Xây lắp Sông Đà Hoàng Liên	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	Công ty cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	Công ty cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà Thái Xuân	Cổ đông góp vốn

Giao dịch với các bên liên quan khác

Công ty không phát sinh giao dịch với công ty liên kết cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty liên kết. Các giao dịch khác phát sinh giữa Công ty với các bên liên quan khác không phải là công tyliên kết như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	**Năm trước**
Tổng Công ty Sông Đà		
Tiền lãi vay nhập gốc	1.117.072.996	1.142.134.204
Thuê văn phòng của Tổng Công ty Sông Đà	8.601.909	-

Công nợ với các bên liên quan khác
Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.4, V.10, và V.14a.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Công ty chỉ hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh là sản xuất điện thương phẩm và trong một khu vực địa lý là lãnh thổ Việt Nam.

3. Thông tin về hoạt động liên tục

Kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 Công ty tiếp tục bị lỗ 21.644.390.461 VND và khoản lỗ luỹ kế đến ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 261.200.423.755 VND. Ngoài ra tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn 133.125.319.362 VND. Các yếu tố này có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Tuy nhiên Ban Lãnh đạo Công ty đã làm việc với một số nhà cung cấp để gia hạn nợ đến hết năm 2017. Các ngân hàng cũng đang thực hiện thu nợ gốc và nợ lãi từ nguồn thu về bán điện hàng tháng sau khi trừ đi các khoản chi phí hoạt động dự kiến tháng sau của Công ty. Do vậy Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 vẫn được lập dựa trên giả thiết Công ty hoạt động kinh doanh liên tục.

4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Lập, ngày 09 tháng 8 năm 2017

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Kim Văn Sỹ	Nguyễn Bá Nhất	Khương Đức Dũng